

Chính sách phát triển đô thị thông minh: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam

Vũ Thị Vân Ngọc

Trung tâm Phân tích và Dự báo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Tỷ lệ đô thị hóa cao cũng đặt ra những thách thức về môi trường, giao thông, dịch vụ y tế, an toàn, nhà ở, cơ sở hạ tầng, đòi hỏi của người dân về chất lượng cuộc sống tăng lên, v.v. Chính phủ Việt Nam cũng đã xác định xây dựng đô thị thông minh là xu thế tất yếu và đưa ra một số chính sách nhằm phát triển đô thị thông minh song quá trình thực hiện còn đang tập trung chủ yếu ở khu vực hành chính công (hệ thống dịch vụ công quốc gia, văn bản điều hành) và còn khá mới mẻ ở nhiều vấn đề khác.

1. Mở đầu

Đô thị thông minh là một xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển đô thị ngày nay. Năm 2018, trong khu vực ASEAN, Việt Nam đã có 3 thành phố tham gia mạng lưới đô thị thông minh ASEAN cùng với 23 thành phố khác. Các quốc gia ASEAN cũng đã thống nhất thông qua dự thảo khung về mạng lưới thành phố thông minh ở cấp đại diện quốc gia, hướng tới ba mục tiêu chiến lược gồm thiết lập một nền kinh tế cạnh tranh, xây dựng môi trường bền vững và đạt được chất lượng cuộc sống cao. Ngoài ra, đô thị thông minh rõ ràng là một khoản đầu tư nặng gánh và lâu dài, đòi hỏi sự đánh giá và quyết sách phù hợp để đảm bảo giải quyết vấn đề hiệu quả đầu tư.

Việt Nam đang cùng các quốc gia khác hòa vào làn sóng ĐTTM lan tỏa khắp nơi trên thế giới nhưng mới ở những bước đi ban đầu và đòi hỏi nhiều nỗ lực chung từ chính phủ, người dân, doanh nghiệp và các bên liên quan khác. Tận dụng lợi thế "người đi sau", Việt Nam có thể hưởng lợi từ những tiến bộ công nghệ và bài học mô hình thành công từ các quốc gia khác nhằm tối ưu hóa các lựa chọn, sáng kiến thông minh và hạn chế những sai lầm, rào cản ảnh hưởng tới quá trình phát triển này.

2. Chính sách phát triển đô thị thông minh tại một số quốc gia

2.1. Kinh nghiệm Trung Quốc

Trong thập kỷ gần đây, một phong trào thành phố thông minh đang nổi lên khắp Trung Quốc, theo xu hướng quốc tế, nhưng với tốc độ nhanh hơn. Phong trào đô thị thông minh Trung Quốc được thúc đẩy bởi chiến lược quốc gia và được theo đuổi bởi một liên minh bao gồm các chính phủ doanh nhân và các công ty dịch vụ và công nghệ được thị trường săn đón trong bối cảnh đô thị hóa và tăng trưởng

kinh tế đang chuyển đổi của Trung Quốc. Phong trào thành phố thông minh đã xuất hiện khi tốc độ tăng trưởng đồng thời và đô thị hóa của Trung Quốc bước vào giai đoạn chuyển đổi kể từ khoảng năm 2010. Chương trình hiện đại hóa 'cải cách và mở cửa' của Trung Quốc, do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo, bắt đầu vào năm 1978 khi xã hội nông thôn còn nghèo đói trầm trọng. Kể từ đó, Trung Quốc đã tạo ra nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới và quá trình đô thị hóa lớn nhất trong lịch sử nhân loại. Tuy nhiên, những thành tựu này cũng đi kèm với nhiều vấn đề như ô nhiễm, tiêu thụ tài nguyên và suy thoái môi trường. Đến những năm 2010 khi các ngành dịch vụ cấp ba vượt quá các ngành thứ cấp của các ngành trong cơ cấu GDP của Trung Quốc và tỷ lệ đô thị hóa của Trung Quốc đã vượt quá 50%. Việc Trung Quốc chuyển đổi thành một xã hội đô thị của nền kinh tế tri thức đã thúc đẩy những thảo luận chính sách nhằm xây dựng một quốc gia đổi mới và đô thị hóa kiểu mới với tính bền vững, và thậm chí là 'nền văn minh sinh thái', để chuyển sự phát triển nhanh chóng của quốc gia từ tăng trưởng về số lượng sang nâng cấp về chất lượng. Khi đó, khái niệm thành phố thông minh được chứng minh là phù hợp với thảo luận chính sách này được đánh dấu bằng sự đổi mới, tính bền vững và nền kinh tế tri thức.

Phong trào thành phố thông minh đã được thể chế hóa thành chiến lược quốc gia bằng một số chính sách từ trên xuống của chính quyền trung ương, lần lượt vào các năm 2012, 2014 và 2017. Vào tháng 11 năm 2012, Bộ Nhà ở và Phát triển Đô thị-Nông thôn (MOHURD) đã ban hành Thông báo về việc Tiến hành các Thành phố Thông minh Thí điểm Quốc gia. Thông báo này xác định thành phố thông minh là một mô hình mới về tăng cường quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị thông qua việc sử dụng toàn diện khoa học và công nghệ hiện đại để tích

hợp các nguồn thông tin và điều phối các hệ thống ứng dụng; nó cũng coi sự phát triển của các thành phố thông minh là một biện pháp chính để đạt được các mục tiêu quốc gia về phát triển theo định hướng đổi mới, đô thị hóa kiểu mới và một xã hội khá giả toàn diện. Thông báo này đi kèm một bộ chỉ số thí điểm cho thành phố thông minh, bao gồm bốn khía cạnh chính - hệ thống hỗ trợ và cơ sở hạ tầng, xây dựng và khả năng sống thông minh, quản lý và dịch vụ thông minh, công nghiệp và nền kinh tế thông minh. Để đăng ký trở thành 'thành phố thông minh thí điểm cấp quốc gia', các thành phố địa phương cần có kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội kết hợp thành phố thông minh, đề cương phát triển thành phố thông minh đã hoàn thành, nguồn tài trợ đảm bảo (ví dụ: ngân sách chính phủ) và bố trí lãnh đạo. Do đó, ba nhóm chương trình thành phố thông minh thí điểm đã được công bố trong năm 2013-2015, với tổng số 277, với 112 ở vùng duyên hải phía đông, 91 ở vùng giữa và 74 ở vùng phía tây. Năm 2014, Hội đồng Nhà nước đã ban hành Chiến lược Đô thị kiểu Mới Quốc gia (2014-2020), kế hoạch đô thị quốc gia đầu tiên của Trung Quốc, nhằm định hướng lại quá trình đô thị hóa của nước này vào thời điểm quan trọng của sự chuyển đổi kinh tế và đô thị như đã thảo luận ở trên. Kế hoạch này bao gồm một phần về thành phố thông minh, phác thảo các khía cạnh xây dựng trong mạng kỹ thuật số, quản lý quy hoạch, cơ sở hạ tầng đô thị, dịch vụ công, công nghiệp công nghệ cao và quản trị xã hội.

Các thành phố thông minh phát triển mạnh ở Trung Quốc nhờ chủ trương thúc đẩy của nhà nước, mang đến cơ hội thị trường khổng lồ cho các công ty công nghệ và tư vấn. Đằng sau phong trào thành phố thông minh đang bùng nổ là một liên minh của khu vực công và khu vực tư nhân - các chính phủ doanh nhân đang tìm kiếm những cách thức mới để phát triển kinh tế và đô thị và các công ty công nghệ toàn cầu đang tìm kiếm thị trường.

2.2. Kinh nghiệm Hàn Quốc

Thành phố thông minh là một thành phần chiến lược trong chính sách kinh tế quốc gia của chính phủ Hàn Quốc đối với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chính phủ Hàn Quốc đang tìm cách nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế của Hàn Quốc thông qua việc phát triển và thương mại hóa các công nghệ 4IR mới nổi như dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và blockchain. Các dự án thành phố thông minh là một phương tiện giúp chính phủ Hàn Quốc phát triển thế mạnh của mình trong các lĩnh vực này thông qua phát triển và triển khai thương mại các công nghệ này, tương tự chiến lược đã thực hiện với cơ sở hạ tầng CNTT-TT cốt lõi vào cuối những năm 1990. Chính phủ dự kiến thu được hiệu quả kinh tế khoảng 68 tỷ GBP từ các dự án thành phố thông minh vào năm 2030 trong

tổng số 422 tỷ GBP từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vì toàn bộ các thành phố thông minh của Hàn Quốc có nguồn gốc từ đô thị U (đô thị Ubiquitous) của những năm 2000.

U-City là nỗ lực đầu tiên của Hàn Quốc trong việc tích hợp các dịch vụ khác nhau trong một thành phố thông qua CNTT-TT, với các lợi ích là sự tiện lợi hơn, chất lượng cuộc sống tốt hơn và tiết kiệm thông qua việc tích hợp các hệ thống khác nhau. Dịch vụ bao gồm thông tin thời gian thực về chuyến xe buýt và xe lửa đến cho hành khách, quản lý giao thông tích hợp, bao gồm việc cưỡng chế vi phạm giao thông, khả năng truy cập các dịch vụ trực tuyến của chính phủ. Kế hoạch tổng thể 5 năm của đô thị U được ban hành vào năm 2009, với ngân sách khoảng 332 triệu GBP, và đã dẫn đến sự phát triển trên toàn quốc và áp dụng các dịch vụ của đô thị U. Giai đoạn cuối kế hoạch tổng thể 5 năm, khái niệm đô thị thông minh thay thế đô thị U khi chính phủ chuyển trọng tâm sang một mô hình mới cho các thành phố kết nối có thể tận dụng thế mạnh hiện có của Hàn Quốc về CNTT-TT, cũng như thúc đẩy sự phát triển của những công nghệ cốt lõi sẽ là yếu tố quan trọng đối với khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Hàn Quốc.

Năm 2018, Hàn Quốc ban hành Đạo luật về thúc đẩy phát triển thành phố thông minh và công nghiệp. Đạo luật thành phố thông minh, tạo ra một định nghĩa mở về thành phố thông minh bao gồm các dịch vụ và cơ sở được kết nối với nhau nhằm cải thiện khả năng cạnh tranh và chất lượng cuộc sống. Có ba hạng mục dự án thành phố thông minh quốc gia ở Hàn Quốc: dự án thí điểm, dự án xác nhận R&D và dự án tái tạo đô thị. Các dự án thí điểm quốc gia là các dự án quy mô lớn, phục vụ hiệu quả như các phòng thí nghiệm thực tế cho việc phát triển và áp dụng mô hình thành phố thông minh.

3. Một số gợi ý cho phát triển đô thị thông minh Việt Nam

3.1. bối cảnh phát triển đô thị thông minh ở Việt Nam

Tương tự như kết quả tổng quan nghiên cứu về đô thị thông minh trên thế giới, tìm hiểu tình hình Việt Nam cũng cho thấy bức tranh tương tự về những động lực thúc đẩy quá trình thông minh hóa đô thị theo hai hướng chính bao gồm giải quyết các vấn đề áp lực đô thị đặt ra và hưởng lợi từ quá trình đổi mới và thành tựu công nghệ.

Thực trạng phát triển đô thị Việt Nam cho thấy dân số đô thị ngày càng tăng. Chỉ trong vòng 20 năm 2000-2020, dân số đô thị Việt Nam đã tăng gần gấp đôi, lên khoảng 40% và tỷ lệ sẽ tăng thêm 1,5 lần nữa trong vòng 30 năm tới, đến 2050. Những áp lực đặt ra với quá trình quản lý đô thị đã hiển hiện từ lâu chưa được có giải pháp như quá tải dịch vụ xã

hội, điều kiện nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, tình trạng giao thông khó khăn, hay gần đây là mức báo động cao về ô nhiễm ô trường khói bụi tại các đô thị lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Các tiêu chí đo lường và thống kê khác nhau cho thấy những thứ tự ưu tiên và quan tâm khác nhau đối với các vấn đề đô thị nhưng những vấn đề này luôn tồn tại và đặt ra nhiều áp lực đối với nhà quản lý cũng như cư dân đô thị. Việc quản lý và cải thiện chất lượng đô thị đòi hỏi nắm bắt những yếu tố xảy ra bên trong đô thị, cần thay đổi phương thức quản trị của chính quyền, sự tham gia của người dân, cũng như sự tham gia của các bên liên quan. Vì vậy, chuyển đổi thành “Thành phố thông minh” là một nhu cầu tất yếu với Việt Nam. Cùng với đó, sự xuất hiện của công nghệ số, Internet và công nghệ di động - những thành tựu công nghệ thế giới - giúp chuyển đổi này càng trở nên khả thi hơn. Ngoài ra, đại dịch Covid-19 cũng cho thấy tầm quan trọng của các thành phố thông minh, nơi công nghệ kỹ thuật số sẽ giúp tạo điều kiện thuận lợi cho công việc từ xa và thực hiện các giao dịch tài chính, điều cốt yếu để giữ cho các nền kinh tế đô thị hoạt động.

Tại Việt Nam, ĐTTM sớm nhận được sự quan tâm của toàn thể xã hội. Đặc biệt, từ tháng 8/2018, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án phát triển ĐTTM bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án 950), nhiều địa phương đã khẩn trương nắm bắt thời cơ, ban hành các đề án, kế hoạch và triển khai chương trình phát triển ĐTTM. Chiến lược này tạo tiền đề, nền tảng, hành lang pháp lý cho sự phát triển của ĐTTM tại Việt Nam. Mục tiêu tổng quát của đề án là phát triển ĐTTM bền vững ở Việt Nam hướng tới tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, khai thác, phát huy các tiềm năng và lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực; khai thác tối ưu hiệu quả tài nguyên, con người, nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời đảm bảo tạo điều kiện đối với các tổ chức, cá nhân, người dân tham gia hiệu quả nghiên cứu, đầu tư xây dựng, quản lý phát triển ĐTTM...

3.2. Một số gợi ý chính sách

- Về thể chế: Phát triển thông minh phải trên cơ sở cân nhắc cơ hội và rủi ro, thách thức gắn với nhu cầu và năng lực của địa phương, không thực hiện theo phong trào, đồng thời cần làm từng bước, có chọn lọc, theo lộ trình. Mặc dù các công nghệ của Thành phố thông minh có thể mang lại hiệu quả cao hơn và cải tiến ở nhiều khía cạnh khác nhau, nhưng cũng cần lưu ý là chi phí đầu tư cũng rất cao. Việc giới thiệu các công nghệ và thiết bị thông minh luôn tập trung vào những ưu điểm và lợi ích, khiến công chúng không để ý đến mức chi phí cao của chúng.

Tiếp cận đô thị thông minh theo hướng hiệu quả,

kế thừa và phát huy kinh nghiệm của quá trình đổi mới, tiếp thu những thành quả khoa học kỹ thuật công nghệ thông tin thế giới, phát huy bản sắc văn hóa đặc trưng riêng của quốc gia trong bối cảnh hội nhập và kết nối.

Về công nghệ: ĐTTM gắn với hạ tầng thông tin mạng, gắn với chính quyền điện tử, chính quyền số trong phát triển đô thị cần được quan tâm phát triển, đồng bộ với hạ tầng. Bài học của Seoul trong chính sách hỗ trợ những người có thu nhập thấp, yếu thế trong xã hội sở hữu các thiết bị thông minh để có thể kết nối với các hệ thống dịch vụ công là một chính sách hết sức phù hợp và đầy tính nhân văn trong việc phủ sóng kết nối đến với cư dân của thành phố, đảm bảo không một ai bị bỏ lại trong quá trình chuyển đổi sang ĐTTM.

Chính phủ điện tử và cổng thông tin điện tử quốc gia đã được triển khai song yêu cầu của ĐTTM không chỉ dừng lại ở việc phục vụ các giao dịch hành chính công trực tuyến mà còn đòi hỏi một hệ thống cơ sở dữ liệu công mở, sẵn sàng phục vụ yêu cầu truy cập và sử dụng của mọi bộ phận cư dân của thành phố, từ các cư dân bình thường đến các tổ chức công - tư, các nhà nghiên cứu.

Về mặt xã hội, trong bối cảnh kinh tế phát triển nhanh chóng cùng với những biến đổi của khoa học công nghệ, những chuyển đổi đô thị và các sáng kiến ĐTTM có tác động nhất định đối với người dân nhất là những tầng lớp yếu thế, có thu nhập thấp trong xã hội. Đối với mô hình smart city của châu Âu, yếu tố hòa nhập xã hội rất được chú trọng. Không một cư dân nào bị bỏ lại đằng sau trong quá trình chuyển đổi sang smart city. Và yếu tố này cũng có một trong những tiêu chí để định hình mô hình ĐTTM thế hệ 3.0 hướng đến cộng đồng cư dân, coi cộng đồng cư dân là trung tâm vận động của công nghệ thông minh./.

Tài liệu tham khảo

ADB, 2020, Smart City Pathways for Developing Asia, ADB Sustainable Development Working Papers Series No. 71.

Deloitte (2018) Super Smart City: Happier Society with Higher Quality; Deloitte China: Beijing, China, 2018.

Hossny Azizalrahman và Valid Hasyimi (2019), “Towards a Generic Framework for Smart Cities” (Intech Open book, 2019), truy cập tại: <https://www.intechopen.com/chapters/66676>

Konstantin Samouylov, Evgeny Popov, and Konstantin Semyachkov (2019), Institutional Support of a Smart City, Montenegrin Journal of Economics, Vol. 15, No. 4 (2019), 87-98